

Những chiều cạnh biến đổi xã hội của dân số thanh niên trong thời kỳ đất nước Đổi mới

NGHIÊM THỊ THỦY

NGUYỄN THỊ LAN

Đặt vấn đề

Dân số Việt Nam vẫn là một dân số trẻ với 53% ở tuổi dưới 25, dù mức sinh giảm mạnh trong những năm gần đây. Dân số trẻ ngày càng trở nên đông đảo về số lượng, thực sự là một nhóm xã hội quan trọng, tiêu biểu cho tương lai, là chủ nhân để đưa đất nước sang giai đoạn phát triển mới. Một trong những đặc trưng cần lưu ý là trên 27 triệu vị thành niên và thanh niên (tương ứng với các nhóm nhân khẩu 10-19 tuổi và 20-24 tuổi) ở nước ta đều sinh ra sau khi đất nước đã hoàn toàn thống nhất. Các em không biết nhiều về quá khứ, về chiến tranh, trong khi sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin, của các phương tiện truyền thông đại chúng trong bối cảnh quốc tế hóa và toàn cầu hóa đã và đang chi phối không nhỏ đến nhân cách, định hướng văn hóa và lối sống của thế hệ trẻ. Bên cạnh những nhân tố tích cực, các xung lực của thị trường còn dẫn đến nhiều tác động tiêu cực, trong đó phải kể đến tình trạng thất nghiệp thiếu việc làm, chất lượng học đường, tệ nạn xã hội.

Các vấn đề trên đang có tác động mạnh mẽ đến suy nghĩ, nhận thức, lối sống và hành vi của lớp trẻ hiện nay. Ngày càng có nhiều thanh niên tiếp cận được với thế giới bên ngoài thông qua các kênh truyền thông và công nghệ thông tin (truyền hình cáp, internet, điện thoại di động,...). Thực tế hiện nay, 1/4 dân số thanh niên trong độ tuổi 15-24 đang sống, lao động và học tập tại khu vực đô thị. Với tốc độ đô thị hóa và tăng trưởng kinh tế ở các khu công nghiệp, thanh niên nông thôn sẽ tiếp tục rời làng quê ra thành phố kiếm sống tìm việc làm. Khu vực kinh tế dịch vụ và các khu công nghiệp sẽ tiếp tục thu hút những dòng lao động trẻ đến từ các miền quê thu nhập thấp, thiếu việc làm.

Bài viết này là tóm tắt một số kết quả đề tài nghiên cứu do hai phòng Xã hội học Dân số và Xã hội học Gia đình thực hiện năm 2004, nhằm đi sâu phân tích tình hình dân số thanh niên trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế từ ba góc độ: nhân khẩu học, lao động việc làm và phát triển văn hóa. Bài viết sử dụng các số liệu quốc gia như Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở 1999, Điều tra Nhân khẩu học và Sức khỏe 2002; Điều tra Quốc gia về Thanh niên và Vị thành niên Việt Nam SAVY 2004,... Ngoài ra, bài viết còn sử dụng số liệu khảo sát nam nữ thanh niên ở quận Ba Đình, thành phố Hà Nội của Viện Xã hội học, với mục đích xác

định ảnh hưởng của học đường, việc làm và phát triển kỹ năng nghề nghiệp của thế hệ trẻ.

Đặc trưng dân số thanh niên

Tuy mức sinh giảm song cơ cấu dân số Việt Nam vẫn rất trẻ, với tỷ trọng dân số dưới 25 tuổi là 53% (Tổng điều tra dân số 1999). Từ năm 1979 đến năm 2004, dân số thanh niên và vị thành niên (10-25 tuổi) luôn chiếm xấp xỉ 1/3 tổng dân số (World population prospects UN, 2004), đặc biệt là số lượng tuyệt đối đã tăng thêm 9 triệu người (từ 18 triệu năm 1979 đến 27 triệu năm 2004). Tỷ số giới tính của dân số thanh niên 15-24 tuổi hiện nay (99 nam so với 100 nữ) đã được cải thiện đáng kể so với thời điểm năm 1989 (95,6) và cao hơn tỷ số giới tính chung của cả nước hiện nay (97 nam so với 100 nữ).

Theo số liệu Tổng Điều tra Dân số 1999, nữ thanh niên chiếm tỷ trọng 50-51% ở cả hai khu vực thành thị và nông thôn. Phân bố dân số thanh niên giữa thành thị và nông thôn khá đồng đều theo hai giới. Tuy nhiên, con số này chưa phản ánh được hết tác động của di cư, đặc biệt của nữ thanh niên ra thành phố và thị trấn tìm việc làm. Điều này phần nào được thể hiện qua tỷ trọng thấp hơn của nam so với nữ trong dân số thanh niên thành thị (nam 49% so với nữ 51%). Gần 3/4 thanh niên sống tại nông thôn và tỷ lệ này đang giảm sút thông qua di cư. Đây cũng chính là khu vực cần được đầu tư để phát triển tốt nguồn nhân lực trẻ.

Bên cạnh sự khác biệt theo nông thôn, thành thị, phân bố dân số thanh niên còn khác nhau giữa các vùng lãnh thổ, dao động từ 3% ở Tây Bắc đến trên 20% ở Đông Nam Bộ. Đáng lưu ý là đồng bằng sông Cửu Long có quy mô và cơ cấu dân số thanh niên cao nhất nước (xem Bảng 1). Đây là khu vực phát triển kinh tế nông nghiệp, nơi hàng triệu thanh niên đang sinh sống. Trong những năm gần đây, một số lượng không nhỏ nữ thanh niên đã rời quê hương từ các tỉnh Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long với mục đích kết hôn với người nước ngoài. Tác động về mặt nhân khẩu-xã hội của luồng di cư quốc tế thông qua hôn nhân này tuy chưa được đánh giá chính thức song chắc chắn sẽ chi phối đến cơ cấu dân cư của khu vực này.¹

Bảng 1: Cơ cấu dân số thanh niên theo các vùng lãnh thổ Việt Nam

Cơ cấu dân số thanh niên	Đồng bằng sông Hồng	Đông Bắc	Tây Bắc	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
Tỷ lệ % trong dân số vùng	18.7	19.5	19.4	17.9	19.4	18.5	20.2	21.5
Phân bố % giữa các vùng	19.4	14.2	2.9	13.1	8.5	4.0	16.7	21.1

Nguồn: Tổng Điều tra Dân số 1999

¹ Thuộc khu vực Đông Nam Bộ, thành phố Hồ Chí Minh có quy mô trên 1 triệu dân số thanh niên, nhóm tuổi 15-24 chiếm 20,0% toàn bộ dân số của thành phố qua số liệu Tổng Điều tra dân số năm 1999 (ngang với tỷ lệ chung của Đông Nam Bộ). Tuy nhiên, quy mô dân số thanh niên trên thực tế còn có thể lớn hơn do Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm thu hút thanh niên từ khắp mọi miền đất nước đến lao động, học tập và lập nghiệp.

Cùng với mức sinh giảm, tỷ suất sinh đặc trưng của dân số thanh niên có gia đình ở độ tuổi 20-24 đã giảm từ 197 phần nghìn xuống 158 phần nghìn trong những năm 1990 (Tổng điều tra dân số 1989 và Tổng điều tra dân số và nhà ở 1999). Trên bình diện cả nước, mức sinh của dân số thanh niên đã kết hôn hiện nay là khá thấp ở thành thị là 14 phần nghìn cũng như nông thôn là 33 phần nghìn (Số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 1999). Kết quả Khảo sát Nhân khẩu học và Sức khỏe 2002 gần đây cho thấy 3/5 nữ thanh niên đã kết hôn có sử dụng các biện pháp tránh thai, đặc biệt sau khi sinh con đầu lòng. Tuy nhiên, nhóm thanh niên chưa kết hôn có mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai rất thấp, ngay cả khi nhóm này có quan hệ tình dục trước hôn nhân. Theo số liệu điều tra SAVY, trong số thanh niên 15-24 tuổi có quan hệ tình dục trước hôn nhân thì 80% không sử dụng biện pháp tránh thai. Sự hiểu biết lệch lạc và quan niệm không đúng về sử dụng biện pháp tránh thai là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hành vi không sử dụng các biện pháp tránh thai trong thế hệ trẻ hiện nay (SAVY, 2004)². Có thai ngoài ý muốn và tình trạng nạo hút thai trước hôn nhân là không thể tránh khỏi, gây ra những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và sự phát triển của các em.

Dự báo đến năm 2020, dân số đô thị Việt Nam sẽ ở mức 45%, và con số này chỉ có thể đạt được thông qua di cư, trong đó dân số trẻ vẫn chiếm ưu thế. Cùng với tốc độ phát triển của các khu công nghiệp và duy trì tăng trưởng kinh tế, thanh niên nông thôn sẽ rời gia đình, làng quê ra thành phố sinh sống, lao động và học tập. Khu vực dịch vụ và công nghiệp ở đô thị sẽ tiếp tục thu hút những dòng di dân lao động trẻ đến từ nông thôn. Đây sẽ là thách thức lớn nếu như không có những giải pháp phù hợp để chuẩn bị đón nhận những làn sóng di cư của lao động trẻ với những nhu cầu đặc thù riêng.

Lao động - việc làm và kỹ năng tay nghề

Thanh niên bước vào thị trường lao động ở độ tuổi khá sớm, tính trung bình nữ thanh niên tham gia lao động sớm hơn nam thanh niên 1 tuổi. Lao động trẻ trong nhóm tuổi 15-24 chiếm trên 1/5 lực lượng lao động của cả nước (22%). Số đông đang làm việc ngay tại gia đình, làm nông nghiệp hoặc trong các doanh nghiệp nhỏ, mặc dù xu hướng thoát ly đang diễn ra với quy mô ngày càng lớn (ILO, 2002). Trong khi mục tiêu phổ cập giáo dục là một ưu tiên trong chính sách quốc gia thì vẫn còn một số lượng lớn thanh niên bỏ học hay thôi học để tìm việc làm, giúp đỡ cho gia đình. Đến tuổi 15-19, chỉ còn 44% thanh niên trong độ tuổi đi học. Có sự chênh lệch khá lớn về trình độ học vấn giữa 2 khu vực, 39% thanh niên nông thôn trong độ tuổi nói trên còn đang đi học so với 61% thanh niên ở thành thị. Có thể thấy rằng, thanh niên nông thôn bước vào thị trường lao động sớm hơn với trình độ học vấn phổ thông thấp hơn so với thanh niên thành thị.

Số liệu Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở 1999 (Bảng 2) cho thấy tỷ lệ thất

² Ví dụ như vẫn có những quan niệm trong thanh niên cho rằng bao cao su làm giảm khoái cảm, chỉ dùng cho gái mại dâm hay người không đúng đắn, chung thủy. Dùng thuốc tránh thai sẽ gây ra vô sinh, v.v..

ng nghiệp của thanh niên trong hai nhóm 15-19 và 20-24 tuổi là khá cao, thậm chí cao hơn nhiều so với dân số trưởng thành (nhóm trên 25 tuổi). Mặc dù vẫn có nhiều thanh niên còn đang theo học ở các trường phổ thông, cao đẳng và đại học ở các nhóm tuổi này, nhu cầu việc làm của các em là rất lớn. Tỷ lệ thất nghiệp cao trong nhóm 15-19 tuổi nói lên rằng hiện có một tỷ lệ lớn các em bỏ học trước khi tốt nghiệp phổ thông, đang có nhu cầu tìm việc song chưa tìm được việc làm.

Bảng 2: Tỷ lệ thất nghiệp theo nhóm tuổi và giới ở Việt Nam

Nhóm tuổi	Chung (%)	Nam (%)	Nữ (%)
15-19	10,9	11,9	10,1
20-24	6,6	7,2	5,9
25-29	3,5	3,7	3,2
30-34	2,3	2,5	2,0
35-39	1,9	2,4	1,3
40-44	1,8	2,4	1,1
45-49	1,7	2,3	1,0
50-54	1,9	2,8	1,1
55-59	1,8	2,4	1,2
60+	2,3	2,4	2,1

Nguồn: Tổng Điều tra Dân số 1999

Cuộc khảo sát của Viện Xã hội học đối với nam nữ thanh niên 15-24 tuổi trên địa bàn quận Ba Đình, thành phố Hà Nội năm 2005 cho thấy rằng ngay tại một đô thị phát triển, thế hệ trẻ cũng chưa được chuẩn bị những kiến thức và kỹ năng phù hợp để vào đời.³ Trong nhóm thanh niên được học nghề cho biết, có đến 83% đối tượng không tìm được việc làm bằng nghề được dạy. Các em còn rất thiếu những kỹ năng nghề nghiệp bên cạnh những kỹ năng sống khiến cho công việc của họ gặp nhiều khó khăn. Lấy ví dụ, những kỹ năng rất cần thiết như cách trình bày, diễn đạt, khả năng tổng hợp vấn đề, trả lời phỏng vấn khi xin việc chưa được thanh niên chú trọng và bản thân các em cũng không được hướng dẫn. Như vậy, đã tồn tại “khoảng trống” giữa một bên là kỹ năng cần thiết để có việc làm phù hợp với những gì mà thanh niên tiếp cận được từ nhà trường. Kết quả phản ánh một nghịch lý trong xã hội hiện nay và phổ biến ở nhiều địa phương chứ không phải là vấn đề riêng đối với thanh niên Hà nội.

Kết quả khảo sát tại Hà nội còn cho thấy những kỹ năng mà các em tự cho rằng bản thân bị thiếu hụt là ngoại ngữ (57%), vi tính (38%), diễn đạt giao tiếp (23%). Các em kỳ vọng có được các kỹ năng nói trên từ trường phổ thông (63%), thông qua tự học (57%), qua bè bạn (35%). Điều đáng chú ý là đối với các em, gia

³ Khảo sát tại một địa bàn đô thị trung tâm như Quận Ba Đình, Hà Nội sẽ cho phép xác định được ảnh hưởng tối đa của những biến đổi xã hội trong thanh niên. Mặc dù các kết quả liên quan đến thanh niên đô thị, song để đơn giản trong bài viết xin gọi tắt là thanh niên.

đình hay người thân được xem như không phải là kênh thông tin quan trọng để có được các kiến thức, kỹ năng nói trên. Trong khi gia đình không còn giữ được chức năng giáo dục và xã hội hóa truyền thống như trước đây thì nhà trường và xã hội lại chưa thực sự làm tốt chức năng này, điều đó gây nên nhiều khó khăn, trắc trở cho thế hệ trẻ.

Trên 1/3 thanh niên được khảo sát hiện có mong muốn tìm việc, song điều lý thú là tỷ lệ đang tìm việc làm trong nhóm cao đẳng, đại học lại cao hơn đáng kể so với nhóm có học vấn phổ thông. Kết quả trên phản ánh tình trạng thiếu việc làm phù hợp đối với nhóm sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng ở đô thị. Việc học một nghề, làm một nghề là khá phổ biến trong xã hội nhưng chưa được quan tâm xem xét. Mục tiêu lấy số lượng thay vì chất lượng, căn bệnh chạy theo thành tích trong ngành giáo dục là nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng này. Không phân biệt nam nữ, trình độ học vấn, hầu hết (trên 80%) thanh niên được khảo sát có ý kiến rằng khả năng tìm được việc làm phù hợp là khó đối với các em hiện nay (Bảng 3).

Bảng 3: Tình trạng việc làm/học nghề theo học vấn và giới tính

Việc làm và học nghề	Trình độ học vấn			Giới tính		Tổng số
	Phổ thông	Trung cấp, Cao đẳng	Đại học	Nam	Nữ	
Đang làm việc kiếm tiền	20.8	27.3	36.2	23.0	28.0	25.5
Có được học nghề	70.0	60.6	53.2	69.0	60.0	64.5
Có ý định tìm việc làm	28.3	57.6	36.2	34.0	36.0	35.0
Khả năng tìm được việc phù hợp là khó	88.3	82.0	80.9	86.0	85.0	85.5
(N)	120	33	47	100	100	200

Nguồn: Khảo sát thanh niên phường Trúc Bạch, Hà Nội

Văn hóa thanh niên và đặc trưng văn hóa của thanh niên

Trong nghiên cứu này, văn hóa thanh niên được xem xét từ nhu cầu phát triển văn hóa và thay đổi định hướng giá trị về hôn nhân và gia đình. Sự đan xen giữa những giá trị cũ và mới hiện nay không chỉ có ảnh hưởng đến người trưởng thành mà còn là vấn đề bức xúc của lớp trẻ. Một trong những đặc trưng của thanh niên trong giai đoạn hiện nay là sự chuyển đổi định hướng giá trị. Họ sinh ra và lớn lên trong sự đan xen giữa những hệ giá trị truyền thống và hiện đại, giữa cái cũ và cái mới, hệ quy chiếu của thanh niên (đặc biệt ở các thành phố lớn) thay đổi nhiều so với trước. Những giá trị xã hội mà trước đây được thế hệ trẻ tôn thờ như tinh thần chịu đựng gian khổ, không đòi hỏi cá nhân, sống vì lợi ích tập thể, sống nặng nghĩa tình, đậm nét bình quân chủ nghĩa đã và đang dần dần được thay thế bằng những giá trị hưởng thụ vật chất, định hướng cho lợi ích cá nhân, tính ưa tự lập, năng động, hiệu quả, chấp nhận giàu-nghèo trong xã hội. Sự biến đổi trong định hướng giá trị của thanh niên nói trên là rất đáng lưu ý, bởi nó thể hiện sự vận động nội tại của bản

thân thanh niên cũng như phản ánh xu hướng chung của biến đổi xã hội hiện nay.

Bảng 4: Tình hình tiếp cận thông tin hàng ngày theo học vấn/giới tính (%)

Kênh thông tin	Trình độ học vấn			Giới tính		Tổng số
	Phổ thông	Trung cấp, Cao đẳng	Đại học	Nam	Nữ	
Xem tivi	83.3	87.9	70.2	83.0	79.0	81.0
Truyền hình cáp	9.2	9.1	17.0	10.0	12.0	11.0
Nghe đài	19.2	27.3	21.3	20.0	22.0	21.0
Đọc báo	40.8	51.5	36.2	50.0	33.0	41.5
Xem video	26.7	21.2	2.1	24.0	16.0	20.0
Sử dụng internet	13.3	24.2	23.4	17.0	18.0	17.5
(N)	120	33	47	100	100	200

Nguồn: Khảo sát thanh niên Trúc Bạch, Hà Nội

Với những tác động nhanh và linh hoạt, văn hóa thanh niên đang chi phối sự thay đổi trong lối sống và định hướng sống của thanh niên hôm nay. Kết quả khảo sát (Bảng 4) chỉ ra rằng tỷ lệ nam thanh niên tham gia hoạt động vui chơi giải trí cao gấp đôi nữ thanh niên, điều này cho thấy sự khác biệt giới trong việc hưởng thụ văn hóa. Tivi (81%) và báo chí (42%) là hai kênh thông tin phổ biến nhất hiện nay đối với thanh niên Hà nội. Trong khi đó, tỷ lệ nghe đài, xem băng hình thấp hơn nhiều (dưới 20%). Đối với các kênh cung cấp thông tin tương đối mới mẻ như mạng internet hoặc truyền hình cáp, chỉ có một tỷ lệ khiêm tốn thanh niên có điều kiện tiếp cận sử dụng (tương ứng là 17% và 11%). Đối tượng có trình độ cao đẳng, đại học, mức độ sử dụng internet và truyền hình cáp nhiều hơn so với nhóm có trình độ học vấn phổ thông (23% và 17% so với 13% và 9%). Kết quả thu được thể hiện nhu cầu tiếp cận văn hóa của nhóm thanh niên có trình độ học vấn cao cũng như điều kiện kinh tế mức sống khá hơn ở các gia đình có con em học đại học. Mặc dù chưa thể nắm bắt được nội dung thông tin mà nhóm thanh niên này tiếp nhận trên thực tế, song có thể khẳng định rằng sự tràn ngập thông tin trên mạng Internet hiện nay đang có ảnh hưởng lớn đến định hướng văn hóa và lối sống của thanh niên.

Thanh niên với các định hướng giá trị về hôn nhân và gia đình

Mặc dù xây dựng gia đình chưa phải là ưu tiên hàng đầu của thanh niên song hầu hết người trả lời trong mẫu nghiên cứu đều có ý kiến về tiêu chuẩn lựa chọn người bạn đời. Điều này phản ánh sự phát triển tâm sinh lý và định hướng văn hóa đến tình yêu, tình dục của thế hệ trẻ hiện nay. Các số liệu trên Bảng 5 cho thấy chiếm tỷ lệ cao trong những tiêu chuẩn bạn đời được đề cập là nghề nghiệp ổn định (54%), giáo dục học thức (43%), có tình yêu thật sự (54%). Tiêu chuẩn con nhà gia giáo không còn ảnh hưởng mạnh trong hệ giá trị lựa chọn bạn đời và hôn nhân hiện nay (20%). Đương nhiên, những tiêu chí nói trên vừa thể hiện định hướng giá trị của cá nhân và đồng thời nói lên sự chi phối của các giá trị truyền thống thông qua thiết chế gia đình.

Đa số nữ thanh niên lựa chọn người bạn đời có học thức, có việc làm và nghề nghiệp ổn định bên cạnh một tình yêu thực sự. Trong khi đó, nam thanh niên lại nhấn mạnh ngoại hình và thành phần gia đình của người bạn đời tương lai. Từ góc độ học vấn, nhóm thanh niên có học vấn cao đẳng hay đại học đặt tình yêu, sở thích và sức khỏe lên trên, trong khi đối với nhóm có trình độ học vấn phổ thông, tiêu chuẩn gia đình và học thức trong quyết định hôn nhân chi phối mạnh hơn. Sự khác biệt giới về tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời này không chỉ phản ánh sự khác nhau trong tâm thế giữa nam và nữ thanh niên mà còn cho thấy ảnh hưởng của những biến đổi xã hội hiện nay đối với định hướng giá trị và lối sống thanh niên.

Bảng 5: Tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời theo học vấn và giới tính

Tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời	Học vấn			Giới tính		Tổng số
	Phổ thông	Trung cấp, Cao đẳng	Đại học	Nam	Nữ	
Kiểm nhiều tiền	7.5	3.0	2.1	6.0	5.0	5.5
Gia đình giàu có	7.5	-	4.3	7.0	4.0	5.5
Giáo dục, học thức	46.7	39.4	38.3	35.0	52.0	43.5
Nghề nghiệp ổn định	52.5	66.7	51.1	46.0	63.0	54.5
Con nhà gia giáo	22.5	21.2	12.8	29.0	11.0	20.0
Ngoại hình hấp dẫn	16.7	18.2	12.8	22.0	10.0	16.0
Có sức khỏe	13.3	21.2	27.7	18.0	18.0	18.0
Sở thích, cá tính	41.7	45.5	44.7	48.0	38.0	43.0
Tình yêu thật sự	52.5	51.5	57.4	49.0	58.0	53.5
Tiêu chuẩn khác	7.5	12.1	6.4	8.0	8.0	8.0
(N)	120	33	47	100	100	200

Nguồn: Khảo sát thanh niên phường Trúc Bạch, Hà Nội

Một số kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu này tập trung vào xem xét ba chiều cạnh xã hội quan trọng liên quan là nhân khẩu, lao động việc làm và định hướng giá trị của thanh niên. Kết quả thu được cho thấy dân số thanh niên vẫn gia tăng về số lượng mặc dù mức sinh ở Việt nam đã được kiểm soát. Quy mô dân số gia tăng đòi hỏi sự chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt để có thể đáp ứng được các nhu cầu học tập, việc làm, vui chơi, sức khỏe, ... vốn không thể thiếu được đối với thế hệ trẻ. Những hạn chế hiện nay về các hoạt động vui chơi giải trí cho thanh niên cần được khắc phục.

Lao động và việc làm của thanh niên là một vấn đề bức xúc, thách thức quá trình phát triển bền vững ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy những “khoảng trống” hiện nay giữa kiến thức, kỹ năng được trang bị và nhu cầu thị trường lao động. Tỷ lệ cao thanh niên có học vấn cao đẳng, đại học chiếm trong tổng số người có nhu cầu tìm việc là một thực tế đáng suy nghĩ. Càng học cao thì càng khó tìm được việc làm phù hợp, điều đó cho thấy sự mất cân đối giữa cung và cầu cũng như những bất cập trong hệ thống giáo dục đào tạo hiện nay. Một trong những liệu pháp đầu tiên là loại bỏ được những “khoảng trống” đó với việc đổi mới

chương trình dạy và học để trang bị cho các em những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp thiết thực, có tính ứng dụng cho thế hệ trẻ. Bên cạnh đó, cần có những chương trình hướng nghiệp và nâng cao tay nghề cho thanh niên để sớm đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước. Trước mắt, có thể cung cấp những thông tin về việc làm và tư vấn việc làm cho thanh niên, hỗ trợ học nghề để giải quyết tình trạng thất nghiệp thanh niên, ổn định thu nhập và sinh kế cho các em khi bước vào thị trường lao động.

Trên bình diện văn hóa, thế hệ trẻ hôm nay đang lớn lên giữa hai hệ giá trị cũ và mới, truyền thống và hiện đại. Văn hóa thanh niên đang có tác động mạnh mẽ đến định hướng giá trị của lớp trẻ, song song với ảnh hưởng của một số chuẩn mực truyền thống. Trong hôn nhân và gia đình, thế hệ trẻ vẫn chịu chi phối của hệ giá trị truyền thống, đặc biệt gia đình vẫn có ảnh hưởng không nhỏ đến suy nghĩ và quyết định của thanh niên. Nếu như trong xã hội truyền thống, cha mẹ như một mẫu hình mà lớp trẻ có thể sao chép thì trong một đô thị lớn như Hà Nội, thanh niên thường hướng đến những giá trị văn hóa của thanh niên. Chính trong sự chuyển đổi đó, tác động xã hội bên ngoài gia đình và trường học là rất lớn. Cần làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, làm trong sạch môi trường sống cho thanh niên nhằm phát triển và nâng cao năng lực phù hợp với thời kỳ đổi mới đất nước, hướng tới xây dựng một bản sắc văn hóa của thế hệ trẻ Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2004: *Lao động và việc làm: 1996-2003*. Trung tâm thông tin, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
2. ILO/Japan Tripartite Regional Meeting on Youth Employment in Asia and the Pacific, 27 Feb - 1 Mar 2002. Bangkok.
3. Lê Doãn Khải, 1999: *Phát triển dạy nghề cho thanh niên nông thôn nhằm công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn*. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tạp chí Lao động và Xã hội, số 3-1999.
4. Mensch, B. Đặng Nguyên Anh, và W. Clark, 2000: *Vị thành niên và biến đổi xã hội ở Việt Nam*. Viện Xã hội học và Hội đồng Dân số. Hà Nội.
5. Nilam, Pam, 1998: *Globalising Influences and Youth People in Vietnam*. Báo cáo trình bày tại Hội nghị Việt Nam học, tháng 7-1998 tại Hà Nội.
6. SAVY (Điều tra Quốc gia Vị thành niên và Thanh niên Việt Nam), 2004: *Dự thảo báo cáo*. Bộ Y tế và Tổ chức Y tế Thế giới. Hà Nội.
7. Tổng cục Thống kê, 2001: *Dự báo dân số Việt Nam trong giai đoạn 2005 -2020*. Nxb Thống kê. Hà Nội.
8. Tổng cục Thống kê, 2001: *Việt Nam - Tổng Điều tra dân số và Nhà ở 1999: Kết quả điều tra mẫu*. Ban chỉ đạo tổng điều tra Dân số và Nhà ở. Nxb Thế giới. Hà Nội.
9. Tổng cục Thống kê, 2001: *Số liệu mẫu 3% Tổng Điều tra dân số và Nhà ở 1999*. Vụ Thống kê Dân số và Lao động. Tổng cục Thống kê. Hà Nội.
10. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, 2003: *Định hướng mục tiêu và giải pháp của chiến lược bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*. Tạp chí Khoa học Dân số, Gia đình và Trẻ em. Số 1, tháng 5-2003.
11. UN, 2004: World population prospects, Data base from UN pop. Division. (<http://esa.un.org/unpp>)